

HIỆP ĐỊNH KHUNG

VỀ HỢP TÁC KINH TẾ TOÀN DIỆN GIỮA HIỆP HỘI CÁC QUỐC GIA
ĐÔNG NAM Á VÀ CỘNG HÒA ẤN ĐỘ NGÀY 08 THÁNG 12 NĂM 2003

LỜI MỞ ĐẦU

Chúng tôi, những người đứng đầu Chính phủ/Nhà nước các nước Bru-nây Đa-rút-xa-lam, Vương quốc Cam-pu-chia (Campuchia), Cộng hòa In-đô-nê-xi-a (In-đô-nê-xi-a), Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào (Lào PDR), Malaixia, Liên bang Myanma, Cộng hòa Philippin (Phi-líp-pin), Cộng hòa Xinggapo (Xinh-ga-po), Vương quốc Thái Lan (Thái-lan) và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (gọi chung là □ASEAN□ hoặc □các nước thành viên ASEAN□, hoặc gọi riêng từng nước là □nước thành viên ASEAN□) và Cộng hòa ấn Độ (Ấn Độ)

Nhắc lại việc năm 2002 chúng tôi đã nhất trí về tầm quan trọng của việc tăng cường hợp tác kinh tế chặt chẽ và hướng tới Khu vực Thương mại và Đầu tư ASEAN-Ấn Độ (RTIA) như là mục tiêu dài hạn;

Mong muốn ký kết một Hiệp định khung về hợp tác kinh tế toàn diện (Hiệp định này) giữa ASEAN và Ấn Độ (gọi chung là □các Bên□, hoặc chỉ riêng từng nước thành viên ASEAN hoặc Ấn Độ là một □Bên□), hướng tới tương lai nhằm thúc đẩy quan hệ đối tác kinh tế chặt chẽ hơn trong thế kỷ 21;

Mong muốn giảm thiểu các rào cản và liên kết kinh tế sâu hơn nữa giữa các Bên; giảm chi phí; tăng cường thương mại và đầu tư trong khu vực; tăng hiệu quả kinh tế; tạo ra một thị trường rộng lớn hơn với cơ hội nhiều hơn và quy mô kinh tế lớn hơn cho các doanh nghiệp của các Bên; và nâng cao tính hấp dẫn của các Bên đối với nguồn vốn và tài năng;

Thừa nhận vai trò quan trọng và đóng góp của khối doanh nghiệp trong việc tăng cường thương mại và đầu tư giữa các Bên và sự cần thiết phải thúc đẩy và tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho sự hợp tác và tận dụng những cơ hội kinh doanh lớn hơn do Khu vực Thương mại và Đầu tư ASEAN-Ấn Độ (RTIA) đem lại;

Thừa nhận trình độ phát triển kinh tế khác nhau giữa các nước thành viên ASEAN và sự cần thiết phải có linh hoạt, cụ thể là cần tạo thuận lợi để các nước thành viên mới của ASEAN (Campuchia, Lào PDR, Myanmar và Việt Nam) tăng cường tham gia vào hợp tác kinh tế ASEAN - Ấn Độ và mở rộng xuất khẩu, kể cả thông qua việc nâng cao nội lực, tính hiệu quả và khả năng cạnh tranh;

Khẳng định lại các quyền, nghĩa vụ và các cam kết của từng bên trong WTO và các hiệp định và thỏa thuận đa phương, khu vực và song phương; và

Thừa nhận các thỏa thuận thương mại khu vực có vai trò xúc tác đóng góp cho việc thúc đẩy tự do hóa khu vực và toàn cầu và là khối kết cấu trong khuôn khổ hệ thống thương mại đa phương,

Đã nhất trí như sau:

Điều 1

Các mục tiêu

Các mục tiêu của Hiệp định này gồm:

- (a) Củng cố và tăng cường hợp tác kinh tế, thương mại, và đầu tư giữa các Bên;
- (b) Từng bước tự do hóa và thúc đẩy thương mại hàng hóa và dịch vụ cũng như thiết lập một chế độ đầu tư minh bạch, tự do và thuận lợi;
- (c) Tìm kiếm những lĩnh vực mới và áp dụng những biện pháp thích hợp để hợp tác kinh tế chặt chẽ hơn giữa các Bên; và
- (d) Tạo thuận lợi cho các nước thành viên mới của ASEAN hội nhập kinh tế hiệu quả hơn và thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các Bên.

Điều 2

Các biện pháp hợp tác kinh tế

Các Bên nhất trí tiến hành các cuộc đàm phán để thiết lập một Khu vực Thương mại và Đầu tư ASEAN - Ấn Độ (RTIA), gồm cả Khu vực Thương mại tự do (FTA) về hàng hóa, dịch vụ và đầu tư, và tăng cường và đẩy mạnh hợp tác kinh tế thông qua các biện pháp sau đây:

- (a) Loại bỏ dần thuế quan và các hàng rào phi thuế đối với cơ bản toàn bộ thương mại hàng hóa;
- (b) Từng bước tự do hóa thương mại dịch vụ trong hầu hết các lĩnh vực;
- (c) Thiết lập một chế độ đầu tư thông thoáng và có tính cạnh tranh nhằm tạo thuận lợi và thúc đẩy đầu tư trong Khu vực Thương mại và Đầu tư ASEAN - Ấn Độ (RTIA);
- (d) Dành đối xử đặc biệt và khác biệt cho các nước thành viên mới của ASEAN;
- (e) Dành linh hoạt cho các Bên trong đàm phán về Khu vực Thương mại và Đầu tư ASEAN - Ấn Độ (RTIA) nhằm giải quyết những vấn đề nhạy cảm trong các lĩnh vực hàng hóa, dịch vụ và đầu tư, những linh hoạt này sẽ được đàm phán và nhất trí trên nguyên tắc có đi có lại và cùng có lợi;
- (f) Xây dựng các biện pháp thuận lợi hóa thương mại và đầu tư có hiệu quả bao gồm nhưng không chỉ giới hạn trong các biện pháp đơn giản hóa các thủ tục hải quan và các thỏa thuận công nhận lẫn nhau;
- (g) Mở rộng hợp tác kinh tế trong các lĩnh vực được các Bên cùng nhau thống nhất góp phần làm sâu sắc hơn mối liên kết thương mại và đầu tư giữa các Bên và hình thành các chương trình và kế hoạch hành động nhằm thực hiện các ngành/lĩnh vực hợp tác đã thỏa thuận; và
- (h) Thiết lập những cơ chế thích hợp nhằm mục đích thực hiện hiệu quả Hiệp định này.

Điều 3

Thương mại hàng hoá

(1) Nhằm đẩy nhanh việc mở rộng thương mại hàng hóa, các Bên nhất trí tiến hành đàm phán để loại bỏ thuế và các quy định hạn chế thương mại đối với cơ bản toàn bộ thương mại hàng hóa giữa các Bên (ngoại trừ, trong trường hợp cần thiết, những biện pháp được cho phép theo Điều XXIV (8)(b) của Hiệp định WTO về Thuế quan và Thương mại (GATT)).

(2) Vì mục đích của Điều khoản này, các định nghĩa sau đây sẽ được áp dụng trừ khi ngữ cảnh có quy định khác:

(a) “Thuế suất MFN áp dụng” là mức thuế suất của các Bên áp dụng tại thời điểm 1 tháng 7 năm 2004; và

(b) “Các biện pháp phi thuế quan” gồm cả các hàng rào phi thuế quan.

(3) Các Bên sẽ bắt đầu tiến hành tham vấn về chế độ thương mại của nhau, bao gồm nhưng không chỉ giới hạn trong các vấn đề sau:

(a) Dữ liệu thương mại và thuế quan;

(b) Các thủ tục, quy tắc và quy định hải quan;

(c) Các biện pháp phi thuế quan, bao gồm nhưng không giới hạn ở các yêu cầu và thủ tục về giấy phép nhập khẩu, các hạn chế số lượng, các hàng rào kỹ thuật đối với thương mại, các biện pháp vệ sinh dịch tễ;

(d) Các quy tắc và quy định về quyền sở hữu trí tuệ; và

(e) Chính sách thương mại.

(4) Trong chương trình cắt giảm hoặc xóa bỏ thuế quan của các Bên, các mức thuế suất đối với các mặt hàng được liệt kê sẽ được giảm dần và, trong trường hợp có thể, được loại bỏ theo quy định của Điều khoản này.

(5) Các mặt hàng nằm trong chương trình cắt giảm hoặc xóa bỏ thuế thuộc Điều khoản này gồm tất cả các mặt hàng, ngoại trừ các mặt hàng trong Chương trình Thu hoạch sớm theo Điều 7 của Hiệp định này, và những mặt hàng đó được chia làm 2 Danh mục như sau:

(a) Danh mục thông thường: Các mặt hàng nằm trong Danh mục thông thường của một Bên, được chính Bên đó liệt kê, sẽ có mức thuế suất MFN áp dụng tương ứng giảm dần hoặc xóa bỏ theo những lịch trình và thuế suất cụ thể (sẽ được các Bên cùng thỏa thuận) trong khoảng thời gian:

(i) Từ ngày 1/1/2006 đến 31/12/2011 đối với Bru-nây Đa-rút-xa-lam, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Xinh-ga-po, Thái-lan và Ấn Độ;

(ii) Từ ngày 1/1/2006 đến 31/12/2016 đối với Phi-líp-pin và Ấn Độ; và

(iii) Từ ngày 1/1/2006 đến 31/12/2016 đối với các nước thành viên mới ASEAN và từ 1/1/2006 đến 31/12/2011 đối với Ấn Độ.

Đối với thuế suất đã được cắt giảm nhưng chưa được xóa bỏ sẽ được xóa bỏ dần theo những khung thời gian được thỏa thuận giữa các Bên.

(b) Danh mục nhạy cảm:

(i) Số lượng các mặt hàng thuộc Danh mục nhạy cảm được giới hạn bởi mức trần tối đa do các Bên cùng thống nhất.

(ii) Các mặt hàng trong Danh mục nhạy cảm của một Bên lập ra sẽ, trong trường hợp có thể, có mức thuế suất MFN áp dụng được giảm/xóa bỏ dần trong khoảng thời gian được các Bên nhất trí.

(6) Những cam kết mà các Bên đưa ra theo Điều này và Điều 7 của Hiệp định này phải tuân thủ các yêu cầu của WTO về xóa bỏ thuế quan đối với cơ bản toàn bộ thương mại giữa các Bên.

(7) Biên độ thuế suất/ thuế suất cụ thể được các Bên thống nhất theo Điều khoản này sẽ chỉ là mức giới hạn của thuế suất/biên độ áp dụng của các Bên cho năm thực hiện cụ thể.

(8) Đàm phán giữa các Bên để thành lập Khu vực Thương mại và Đầu tư ASEAN - Ấn Độ về thương mại hàng hóa bao gồm nhưng không giới hạn bởi những vấn đề sau:

(a) Phương thức, gồm cả những quy tắc chi tiết điều chỉnh việc cắt giảm và/hoặc xóa bỏ thuế quan;

(b) Quy tắc xuất xứ;

(c) Việc xử lý các mức thuế suất ngoài hạn ngạch;

(d) Việc sửa đổi các cam kết của một Bên trong hiệp định về thương mại hàng hóa dựa trên các hiệp định WTO;

(e) Các biện pháp/rào cản phi quan thuế, bao gồm nhưng không chỉ giới hạn ở các hạn chế định lượng hoặc cấm nhập khẩu bất cứ mặt hàng nào hoặc cấm xuất khẩu hoặc bán để phục vụ xuất khẩu đối với bất cứ mặt hàng nào, cũng như những biện pháp vệ sinh dịch tễ và những hàng rào kỹ thuật đối với thương mại;

(f) Các biện pháp tự vệ dựa trên các hiệp định WTO;

(g) Các quy tắc về trợ cấp và các biện pháp đối kháng và biện pháp chống phá giá dựa trên các hiệp định hiện có của WTO; và

(h) Thuận lợi hoá và thúc đẩy việc bảo vệ có hiệu quả và thỏa đáng quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến thương mại dựa trên những quy định hiện hành của WTO, Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) và những hiệp định có liên quan khác.

Điều 4

Thương mại dịch vụ

Nhằm thúc đẩy việc mở rộng thương mại dịch vụ, các Bên nhất trí tiến hành đàm phán để từng bước tự do hoá thương mại dịch vụ đối với hầu hết các lĩnh vực. Các cuộc đàm phán này phải được định hướng nhằm:

(a) Xóa bỏ từng bước về cơ bản toàn bộ các phân biệt đối xử giữa các Bên và/hoặc ngăn cấm việc đưa ra thêm các biện pháp phân biệt đối xử mới hoặc có tính phân biệt đối xử cao hơn liên quan đến thương mại dịch vụ giữa các Bên, ngoại trừ những biện pháp được cho phép theo Điều V(1)(b) của Hiệp định WTO về thương mại dịch vụ (GATS);

(b) Mở rộng mức độ và phạm vi tự do hoá thương mại dịch vụ hơn những cam kết của các nước thành viên ASEAN và Ấn Độ theo GATS; và

(c) Tăng cường hợp tác dịch vụ giữa các Bên nhằm nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh, cũng như nhằm đa dạng hoá việc cung cấp và phân phối dịch vụ của các nhà cung cấp dịch vụ tương ứng của các Bên.

Điều 5

Đầu tư

Để thúc đẩy đầu tư và tạo ra một chế độ đầu tư tự do, thuận lợi, minh bạch và cạnh tranh, các Bên nhất trí:

- (a) Tiến hành đàm phán nhằm tự do hoá từng bước chế độ đầu tư;
- (b) Tăng cường hợp tác đầu tư, tạo thuận lợi cho đầu tư và cải thiện tính minh bạch các luật lệ và quy định đầu tư; và
- (c) Bảo hộ đầu tư.

Điều 6

Các lĩnh vực hợp tác kinh tế

(1) Vào thời điểm thích hợp, các Bên thống nhất đẩy mạnh hợp tác trong các lĩnh vực sau, bao gồm nhưng không giới hạn bởi:

- (a) Thuận lợi hoá thương mại:
 - (i) Các thoả thuận công nhận lẫn nhau, đánh giá sự hợp chuẩn, thủ tục kiểm định và tiêu chuẩn và các quy định kỹ thuật;
 - (ii) Các biện pháp phi thuế;
 - (iii) Hợp tác hải quan;
 - (iv) Tài chính thương mại; và
 - (v) Thị thực cho các nhà kinh doanh và thuận lợi hoá đi lại.
- (b) Các ngành hợp tác:
 - (i) Nông nghiệp, ngư nghiệp và lâm nghiệp;
 - (ii) Dịch vụ: truyền thông và giải trí, y tế, tài chính, du lịch, xây dựng, dịch vụ sử dụng các nguồn lực bên ngoài, môi trường;
 - (iii) Khai thác mỏ và năng lượng: dầu và khí đốt tự nhiên, sản xuất và cung ứng năng lượng;
 - (iv) Khoa học và công nghệ: công nghệ thông tin và truyền thông, thương mại điện tử, công nghệ sinh học;
 - (v) Vận tải và cơ sở hạ tầng: vận tải và truyền thông;
 - (vi) Công nghệ chế tạo: ô tô, thuốc chữa bệnh, dệt, hoá dầu, may mặc, chế biến thực phẩm, đồ da, hàng công nghiệp nhẹ, chế tác đá quý và đồ trang sức;
 - (vii) Phát triển nhân lực: xây dựng năng lực, giáo dục, chuyển giao công nghệ; và
 - (viii) Các lĩnh vực khác: thủ công mỹ nghệ, các doanh nghiệp vừa và nhỏ, chính sách cạnh tranh, phát triển lưu vực sông Mêkông, quyền sở hữu trí tuệ, mua sắm chính phủ.
- (c) Xúc tiến thương mại và đầu tư:
 - (i) Hội chợ và triển lãm;
 - (ii) Liên kết trang web Ấn Độ-ASEAN; và

(iii) Đối thoại doanh nghiệp.

(2) Các Bên nhất trí thực hiện các chương trình xây dựng năng lực và hỗ trợ kỹ thuật, nhất là cho các nước thành viên mới của ASEAN, nhằm điều chỉnh cơ cấu kinh tế và mở rộng thương mại và đầu tư của các nước này với Ấn Độ.

(3) Các Bên có thể thiết lập các cơ quan khác nếu cần thiết để điều phối và thực hiện các hoạt động hợp tác kinh tế trong khuôn khổ Hiệp định này.

Điều 7

Chương trình thu hoạch sớm

(1) Nhằm đẩy nhanh việc thực hiện Hiệp định này, các Bên nhất trí thực hiện Chương trình Thu hoạch sớm, là phần không tách rời của Khu vực Thương mại và Đầu tư ASEAN - Ấn Độ, đối với các sản phẩm được nêu tại khoản 3(a) dưới đây. Việc cắt giảm thuế quan từng bước theo Chương trình Thu hoạch sớm này sẽ bắt đầu từ ngày 1/11/2004, và việc xoá bỏ thuế quan sẽ hoàn thành vào ngày 31/10/2007 đối với các nước ASEAN-6 và Ấn Độ, và 31/10/2010 đối với các nước thành viên ASEAN mới.

(2) Vì mục đích của Điều khoản này, các định nghĩa sau đây sẽ được áp dụng trừ khi ngữ cảnh có quy định khác:

(a) “ASEAN 6” để chỉ Bru-nây, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Xinh-ga-po và Thái Lan;

(b) “Thuế suất MFN áp dụng” chỉ từng mức thuế suất áp dụng của các Bên vào thời điểm 1 tháng 7 năm 2004.

(3) Phạm vi sản phẩm, việc cắt giảm và xoá bỏ thuế quan, loại bỏ các hàng rào phi thuế, quy tắc xuất xứ, các biện pháp khẩn cấp và điều chỉnh thương mại áp dụng cho Chương trình Thu hoạch sớm được quy định như sau:

(a) Phạm vi sản phẩm

(i) Danh mục sản phẩm chung mà các Bên thống nhất cùng cắt giảm thuế được liệt kê tại Phụ lục A.

(ii) Danh mục sản phẩm mà Ấn Độ cam kết dành riêng cho các nước thành viên mới của ASEAN được liệt kê tại Phụ lục B.

(b) Cách thức cắt giảm và xoá bỏ thuế

Cách thức cắt giảm và xoá bỏ thuế đối với các sản phẩm trong Chương trình thu hoạch sớm sẽ được hoàn thành như quy định tại Điều 8 (2) của Hiệp định này.

(c) Việc xoá bỏ các biện pháp phi thuế

Nhằm tận dụng đầy đủ các lợi ích tiềm năng của Chương trình thu hoạch sớm, các Bên sẽ thúc đẩy và tạo thuận lợi cho thương mại đối với tất cả các sản phẩm nằm trong Chương trình thu hoạch sớm. Các bên cũng sẽ nỗ lực để kiềm chế không sử dụng các biện pháp phi thuế có ảnh hưởng tiêu cực tới buôn bán các sản phẩm thuộc Chương trình Thu hoạch sớm.

(d) Quy tắc xuất xứ

Các sản phẩm trong Chương trình Thu hoạch sớm phải đạt đủ tiêu chuẩn để được hưởng ưu đãi thuế quan như quy định tại Quy tắc xuất xứ sẽ được thoả thuận theo Điều 8(2) của Hiệp định này.

(e) Áp dụng các quy định của WTO

Các quy định của WTO về sửa đổi cam kết, hành động tự vệ, các biện pháp khẩn cấp và các biện pháp điều chỉnh thương mại khác, kể cả chống phá giá và trợ cấp và các biện pháp đối kháng, trong thời gian tạm thời, sẽ được áp dụng đối với các sản phẩm nằm trong Chương trình Thu hoạch sớm và sẽ được bãi bỏ và thay thế bằng các quy định liên quan được các Bên đàm phán và thống nhất theo Điều 3 (7) của Hiệp định này khi các quy định đó được thực hiện.

(4) Các Bên sẽ xem xét khả năng hợp tác trong các lĩnh vực được liệt kê trong Phụ lục C.

Điều 8

Khung thời gian

(1) Đối với thương mại hàng hoá, các cuộc đàm phán về hiệp định cắt giảm/loại bỏ thuế quan và các vấn đề khác như quy định tại Điều 3 của Hiệp định này sẽ bắt đầu vào tháng 1/2004 và kết thúc vào ngày 30/6/2005 để thiết lập Khu vực Thương mại Tự do ASEAN - Ấn Độ.

(2) Đàm phán xây dựng Quy tắc xuất xứ đối với thương mại hàng hóa theo Điều 3 và 7 và cách thức cắt giảm và xoá bỏ thuế quan theo Điều 7 phải được hoàn thành không muộn hơn 31/7/2004.

(3) Đối với thương mại dịch vụ và đầu tư, các cuộc đàm phán về các hiệp định tương ứng sẽ bắt đầu vào năm 2005 và kết thúc vào năm 2007. Việc xác định, tự do hoá v.v. các ngành dịch vụ và đầu tư cần được hoàn tất để thực hiện trong các khoảng thời gian do các bên cùng thống nhất: (a) có tính đến các ngành nhạy cảm của các Bên; và (b) dành đối xử đặc biệt và khác biệt và linh hoạt cho các nước thành viên mới của ASEAN.

(4) Đối với các lĩnh vực hợp tác kinh tế khác, các Bên sẽ tiếp tục phát triển dựa trên các chương trình hiện tại hoặc các chương trình được thống nhất theo Điều 6 của Hiệp định này, xây dựng các chương trình hợp tác kinh tế mới và ký kết các hiệp định về hợp tác kinh tế trong các lĩnh vực khác nhau. Các Bên sẽ triển khai nhanh chóng để sớm thực hiện theo cách thức và mức độ mà các Bên cùng chấp nhận. Các hiệp định sẽ bao gồm cả khung thời gian thực hiện các cam kết đó.

Điều 9

Đối xử tối huệ quốc

Ấn Độ sẽ dành đối xử tối huệ quốc (MFN) phù hợp với quy tắc và quy định của WTO cho tất cả các nước thành viên ASEAN chưa là thành viên WTO kể từ ngày ký kết Hiệp định này.

Điều 10

Các loại trừ chung

Với điều kiện các biện pháp sau không được áp dụng ở mức độ tạo nên sự phân biệt đối xử tùy tiện hoặc vô lý giữa các Bên trong cùng điều kiện, hoặc hạn chế thương mại trá hình trong khuôn khổ Khu vực Thương mại Tự do ASEAN - Ấn Độ, không nội

dung nào trong Hiệp định này ngăn cản bất cứ Bên nào đề ra và thông qua các biện pháp bảo vệ an ninh quốc gia hoặc bảo vệ di sản văn hoá nghệ thuật, lịch sử và khảo cổ hoặc các biện pháp khác được xem là cần thiết để bảo vệ đạo đức xã hội, hoặc bảo vệ cuộc sống và sức khoẻ con người, động vật hoặc thực vật và bảo tồn các nguồn tài nguyên thiên nhiên có thể bị cạn kiệt.

Điều 11

Cơ chế giải quyết tranh chấp

(1) Trong thời hạn một năm sau thời điểm Hiệp định này có hiệu lực, các Bên sẽ thiết lập cơ chế và các thủ tục giải quyết tranh chấp chính thức thích hợp nhằm thực hiện các mục tiêu của Hiệp định này.

(2) Trong thời gian xây dựng cơ chế và các thủ tục giải quyết tranh chấp chính thức theo quy định tại đoạn 1 trên đây, bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc giải thích, thực hiện hoặc áp dụng Hiệp định này sẽ được giải quyết trên cơ sở thiện chí, thông qua việc tham vấn lẫn nhau.

Điều 12

Cơ cấu tổ chức đàm phán

(1) Ủy ban đàm phán Thương mại ASEAN - Ấn Độ (ASEAN - Ấn Độ TNC) được thành lập để triển khai chương trình đàm phán được quy định trong Hiệp định này.

(2) Ủy ban đàm phán Thương mại ASEAN - Ấn Độ có thể mời chuyên gia hoặc thành lập bất kỳ nhóm công tác, nếu cần thiết, để hỗ trợ quá trình đàm phán trong tất cả các lĩnh vực trong Khu vực Thương mại và Đầu tư ASEAN - Ấn Độ.

(3) Ủy ban đàm phán Thương mại ASEAN - Ấn Độ sẽ báo cáo thường kỳ lên các Bộ trưởng kinh tế ASEAN và Bộ trưởng Bộ Công Thương Ấn Độ (tham vấn AEM - Ấn Độ) thông qua cuộc họp của Các quan chức kinh tế cao cấp ASEAN và Ấn Độ (tham vấn SEOM - Ấn Độ) về tiến triển và các kết quả đàm phán.

(4) Ban Thư ký ASEAN và Bộ Công Thương Ấn Độ, Chính phủ Ấn Độ cùng hỗ trợ công tác thư ký cần thiết cho Ủy ban đàm phán Thương mại ASEAN - Ấn Độ bất cứ khi nào và bất kể ở đâu.

Điều 13

Các điều khoản khác

(1) Hiệp định này sẽ bao gồm các Phụ lục và nội dung kèm theo, và tất cả các văn kiện pháp lý sẽ được nhất trí trong tương lai theo Hiệp định này.

(2) Ngoại trừ các điều quy định trong Hiệp định này, Hiệp định này hoặc bất kỳ hành động nào được tiến hành trong khuôn khổ của Hiệp định này, sẽ không ảnh hưởng hoặc làm mất đi quyền và nghĩa vụ của một Bên theo các Hiệp định hiện hành khác mà Bên đó là thành viên.

(3) Các Bên sẽ nỗ lực không gia tăng các hạn chế hoặc cản trở có thể làm ảnh hưởng tới việc thực hiện Hiệp định này.

(4) Bất kỳ một nước thành viên ASEAN có thể trì hoãn việc gia nhập Hiệp định này với điều kiện phải thông báo cho các Bên trong vòng 6 tháng kể từ ngày ký Hiệp định. Bất kỳ một sự gia hạn nào đối với các thoả thuận được đàm phán cho nước thành viên này phải dựa trên cơ sở tự nguyện của các bên tham gia thực hiện. Nước thành viên ASEAN liên quan vẫn có cơ hội gia nhập Hiệp định này vào thời gian sau này với những điều khoản và điều kiện giống hệt, bao gồm cả những cam kết sau này do các Bên khác thực hiện vào thời điểm nước thành viên ASEAN đó gia nhập.

Điều 14

Sửa đổi hiệp định

Các điều khoản của Hiệp định này có thể được sửa đổi thông qua sự nhất trí bằng văn bản của các Bên.

Điều 15

Lưu chiếu

Đối với các nước thành viên ASEAN, Hiệp định này sẽ do Tổng Thư ký ASEAN lưu chiếu, Tổng Thư ký ASEAN sẽ gửi cho mỗi nước thành viên ASEAN và Ấn Độ một bản sao Hiệp định đã được chứng nhận.

Điều 16

Thời hạn hiệu lực

(1) Hiệp định này sẽ có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2004.

(2) Các Bên sẽ hoàn thành các thủ tục nội bộ để Hiệp định này có hiệu lực trước ngày 01 tháng 7 năm 2004.

(3) Đối với các Bên không thể hoàn thành các thủ tục nội bộ để Hiệp định này có hiệu lực trước thời hạn ngày 01 tháng 7 năm 2004, Hiệp định này sẽ có hiệu lực bắt đầu từ ngày Bên đó thông báo hoàn thành thủ tục nội bộ. Tuy nhiên, Bên đó sẽ bị ràng buộc với những điều khoản và điều kiện giống hệt, bao gồm cả những cam kết sau này do các Bên khác thực hiện theo Hiệp định này vào thời điểm mà Bên đó thông báo.

(4) Sau khi hoàn thành thủ tục nội bộ để Hiệp định này có hiệu lực, Bên đó sẽ thông báo cho các Bên khác bằng văn bản.

Trước sự chứng kiến, Chúng tôi đã ký Hiệp định Khung về Hợp tác kinh tế toàn diện giữa Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á và Cộng hòa Ấn Độ.

Được làm tại Bali, Indonesia, vào ngày 08/10/2003 thành hai bản bằng Tiếng Anh.